SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 44/XN-KSBT)

VILAS 740

1. Tên mẫu: **NƯỚC SINH HOẠT 43**
2. Mã số mẫu: 24.12.04 - 44/KT - NSH
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Có lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 04/12/2024
6. Ngày nhận mẫu: 04/12/2024
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 04/12/2024 đến 16/12/2024.
8. Nơi lấy mẫu: Nhà máy nước sạch liên xã Châu Sơn - Công ty TNHH đầu tư xây dựng Vietcom Hà Nam.
   Địa chỉ: Thôn Lê Xá, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 13 ngày 04/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH(*)	TCVN 6492:2011		7,5	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,92	2
6	Chloride (Cl^-)	TCVN 6194: 1996	mg/L	28,4	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO3	TCVN 6224:1996	mg/L	114	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	202	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli (*)			KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "**NƯỚC SINH HOẠT 43**" trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo (QCĐP 01:2022/HN).

Hà Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2024

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	KHOA XN-CĐHA-TDCN	KIỂM NGHIỆM VIÊN	
GIÁM ĐỐC			
VŨ KIM	Vũ Hải Giang	Nguyễn Minh Tuấn	Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM
(Số: 45/XN-KSBT)

VILAS 740

1. Tên mẫu: **NƯỚC SINH HOẠT 44**
2. Mã số mẫu: 24.12.04 - 45/KT - NSH
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Có lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 04/12/2024
6. Ngày nhận mẫu: 04/12/2024
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 04/12/2024 đến 16/12/2024.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Lương Văn Thành (Mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch liên xã Châu Sơn).
   Địa chỉ: Thôn Câu Tử, Tiên Sơn, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 13 ngày 04/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH(*)	TCVN 6492:2011		7,7	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	1,92	2
6	Chloride (Cl^-)	TCVN 6194: 1996	mg/L	28,4	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO3	TCVN 6224:1996	mg/L	116	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	206	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli (*)			KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.
    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "**NƯỚC SINH HOẠT 44**" trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo (QCĐP 01:2022/HN).

Hà Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2024

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	KHOA XN-CĐHA-TDCN	KIỂM NGHIỆM VIÊN	
GIÁM ĐỐC			
VŨ KIM	Vũ Hải Giang	Nguyễn Minh Tuấn	Trần Tất Luận

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

SỞ Y TẾ HÀ NAM
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
Địa chỉ: Đường Trường Chinh, P. Minh Khai, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam
Điện thoại: 0226.3850525 Email: xetnghiemhanam@gmail.com

PHIẾU KIỂM NGHIỆM

(Số: 46/XN-KSBT)

VILAS 740

1. Tên mẫu: **NƯỚC SINH HOẠT 45**
2. Mã số mẫu: 24.12.04 - 46/KT - NSH
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong chai chuyên dụng lấy mẫu.
4. Thời gian lưu mẫu: Có lưu mẫu.
5. Ngày lấy mẫu: 04/12/2024
6. Ngày nhận mẫu: 04/12/2024
7. Thời gian kiểm nghiệm: Từ 04/12/2024 đến 16/12/2024.
8. Nơi lấy mẫu: Lấy tại gia đình Nguyễn Văn Tạo (Mạng lưới đường ống phân phối của nhà máy nước sạch liên xã Châu Sơn).

   Địa chỉ: Thôn Dưỡng Thọ, Tiên Sơn, Duy Tiên, Hà Nam.
9. Tài liệu kèm theo: Biên bản lấy mẫu số 13 ngày 04/12/2024 của Trung tâm KSBT tỉnh Hà Nam.
10. Kết quả kiểm nghiệm:

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn tối đa (QCĐP 01:2022/HN)
1	Mùi, vị	Cảm quan		Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
2	pH(*)	TCVN 6492:2011		7,4	6,0 – 8,5
3	Cadmi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,0006)	0,003
4	Chì (Plumbum) (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (<0,002)	0,01
5	Chỉ số pecmanganat	TCVN 6186: 1996	mg/L	0,96	2
6	Chloride (Cl^-)	TCVN 6194: 1996	mg/L	28,4	250
7	Độ cứng, tính theo CaCO3	TCVN 6224:1996	mg/L	116	300
8	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	SMEWW [1:2540 C]:2012	mg/L	211	1000
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	SMEWW 9213B:2017	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 1
11	Coliforms(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/ 100mL	KPH (< 1CFU/100mL)	< 3
12	E.Coli (*)			KPH (< 1CFU/100mL)	< 1

11. Ghi chú: KPH là không phát hiện.

    Các chỉ tiêu đánh dấu (*) đã được công nhận VILAS.
12. Kết luận: Về phương diện vệ sinh hiện tại mẫu "**NƯỚC SINH HOẠT 45**" trên đạt 12 chỉ tiêu kiểm nghiệm theo (QCĐP 01:2022/HN).

Hà Nam, ngày 16 tháng 12 năm 2024

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ	KHOA XN-CĐHA-TDCN	KIỂM NGHIỆM VIÊN	
GIÁM ĐỐC	Vũ Hải Giang	Nguyễn Minh Tuấn	Trần Tất Luận
VŨ KIM			

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận thử nghiệm lại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

VLAT 1.0559
ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: I.07216a/2024/PKQ/24.3770

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
Địa chỉ	Trường Chinh, Minh Khai, Phủ Lý, Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Trạm cấp nước Châu Sơn
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc	04/12/2024
Thời gian thử nghiệm	04/12/2024 - 30/12/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241204.NSH.007	241204.NSH.008	241204.NSH.009	
1	Clo dư tự do(+)	mg/L	TCVN 6225-2:2012	0,95	0,29	0,24	0,2 ÷ 1
2	Độ đục(+)	NTU	SMEWW 2130B:2023	1,4	1,5	1,1	2
3	Màu sắc(+)	TCU	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	15
4	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	0,3
5	Mangan (Mn)(+)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,1
6	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,37	1,67	1,68	2
7	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N)(+)	mg/L	TCVN 6178:1996	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	KPH (LOD=0,006)	0,05
8	Sắt (Fe)(+)	mg/L	SMEWW 3500.Fe.B:2023	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,3
9	Sunphat (SO_4^{2-})(+)	mg/L	SMEWW 4500-SO42-.E:2023	<4,5	<4,5	<4,5	250

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4.Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCĐP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- 241204.NSH.007 - NSH43: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy (43);
- 241204.NSH.008 - NSH44: Mẫu nước giữa mạng lưới tại HGĐ ông Lương Văn Thành - Thôn Câu Tử - x.Tiên Sơn - h.Duy Tiên - Hà Nam (44);
- 241204.NSH.009 - NSH45: Mẫu nước cuối mạng lưới tại HGĐ ông Nguyễn Văn Tạo - Thôn Dưỡng Thọ - x.Tiên Sơn - h.Duy Tiên - Hà Nam (45).

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Nguyễn Quang Nhật

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4.Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimcerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: I.07216b/2024/PKQ/24.3770

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam
Địa chỉ	Trường Chinh, Minh Khai, Phủ Lý, Hà Nam
Địa điểm quan trắc	Trạm cấp nước Châu Sơn
Loại mẫu	Nước sinh hoạt
Ngày quan trắc	04/12/2024
Thời gian thử nghiệm	04/12/2024 - 30/12/2024

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCSS
				241204.NSH.007	241204.NSH.008	241204.NSH.009	
1	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)(+)	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
2	Đồng (Cu)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	KPH (LOD=0,001)	1
3	Chromi (Cr)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	KPH (LOD=0,0004)	0,05
4	Florua (F^-)(+)	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
5	Nhôm (Al)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,0611	0,0605	0,0722	0,2
6	Niken (Ni)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,0021	KPH (LOD=0,0007)	<0,0021	0,07
7	Selen (Se)(+)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0007)	KPH (LOD=0,0007)	KPH (LOD=0,0007)	0,01
8	Thủy ngân (Hg)(+)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	KPH (LOD=0,00026)	0,001

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4.Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

9	Xianua (CN^-)(+)	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	KPH (LOD=0,002)	0,05
10	Carbon tetrachloride(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
11	Tetracloroeten(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	40
12	Trichloroethene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
13	Vinyl clorua(+)	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
14	Benzen(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	10
15	Phenol và dẫn xuất của phenol(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
16	Styrene(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
17	DDT và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	1
18	Bromat(+)	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	10
19	Bromodichloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
20	Bromoform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
21	Chloroform(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
22	Dibromochloromethane(+)	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
23	Formaldehyde(+)	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	900
24	Monochloramine(+)	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	3
25	Trichloroaxetonitril(+)	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1
26	Tổng hoạt độ phóng xạ α(+)	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,1
27	Tổng hoạt độ phóng xạ β(+)	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4.Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- QCSS: Quy chuẩn so sánh theo yêu cầu của khách hàng theo QCĐP 01:2022/HN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- 241204.NSH.007 - NSH43: Mẫu nước sinh hoạt tại nhà máy (43);
- 241204.NSH.008 - NSH44: Mẫu nước giữa mạng lưới tại HGĐ ông Lương Văn Thành - Thôn Câu Tử - x.Tiên Sơn - h.Duy Tiên - Hà Nam (44);
- 241204.NSH.009 - NSH45: Mẫu nước cuối mạng lưới tại HGĐ ông Nguyễn Văn Tạo - Thôn Dưỡng Thọ - x.Tiên Sơn - h.Duy Tiên - Hà Nam (45).

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Nguyễn Quang Nhật

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

TS. Bùi Đức Trung

1.Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4.Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.